

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ
NET ASSET VALUE OF THE FUND

Từ ngày / From: 23/7/2019
Tới ngày / To: 30/7/2019

Tên Công ty quản lý quỹ / Fund Management Company name: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)/ Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited
Tên Ngân hàng giám sát / Supervising bank: Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) / Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.
Tên Quỹ / Fund name: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam/ Mirae Asset Vietnam Growth Equity Fund (MAGEF)
Ngày định giá/Valuation date: Ngày 31 tháng 07 năm 2019
Ngày giao dịch/ Trading date: Ngày 31 tháng 07 năm 2019

Thông tư số 183/2011/TT-BTC, Phụ lục số 24
Circular 183/2011/TT-BTC, Appendix 24

STT/No.	Nội dung / Narrative	Tên sheet / Sheet name
1	Giá trị tài sản ròng của quỹ Net asset value of the fund	GiaTriTaiSanRong_06126
2	Phản hồi của Ngân hàng giám sát	PhanHoiNHGS_06281

Ghi chú/Noted Không đổi tên sheet/ Do not change sheet name
Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã chỉ tiêu".
Leave blank for unavailable items but do not change "Item code"

Đại diện có thẩm quyền của ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervising Bank

Chủ tịch Công ty quản lý quỹ
Chairman of Fund Management Company

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Nguyễn Ngọc Lan Anh
Giám đốc Nghiệp vụ Khối Nghiệp vụ Ngân hàng Doanh nghiệp

Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
Huh Hong Suk
Chủ tịch

Tên quỹ mở Fund Name	Giá dịch vụ phát hành (% giá trị giao dịch) / Subscription Fee (% of transaction amount)	Giá dịch vụ mua lại (% giá trị giao dịch) / Redemption Fee (% of transaction amount)	Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày định giá (NAV) / NAV per unit at Valuation Date	Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước / NAV per unit last Valuation Date (*)	Tăng/Giảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%) / Change in NAV per unit compared to last Valuation Date (%)	Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trong năm / Change in NAV per unit in 1-year		Tỷ lệ sở hữu của NĐT NN Foreign Investors' Ownership Ratio		
						Mức cao nhất (VND) / Highest level (VND)	Mức thấp nhất (VND) / Lowest level (VND)	Số lượng đơn vị quỹ / Number of fund unit	Tổng giá trị tại ngày giao dịch / Total value on trading date	Tỷ lệ sở hữu / Ownership Ratio
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam/ Mirae Asset Vietnam Growth Equity Fund (MAGEF)	0.00% - 5.00% (*)	0.00 - 3.00% (*)	9,954.54	10,000.00	-0.45%	10,000.00	9,954.54	25,134,942.60	250,206,791,509	55.59%

STT	Tham chiếu	Nội dung
1	A	
2	B	
3	C	

(Ban hành kèm theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)
 (Issued in association with Circular 183/2011/TT-BTC dated 16 December 2011 guiding establishment and management of the Open-Ended Fund)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE, TRADING OF FUND CERTIFICATE

Từ ngày 23 tháng 07 tới ngày 30 tháng 07 năm 2019 / From 23 Jul to 30 Jul 2019

Tên Công ty quản lý quỹ:

Fund Management Company:

Tên ngân hàng giám sát:

Supervising bank:

Tên Quỹ:

Fund name:

Ngày lập báo cáo:

Reporting Date:

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam

Mirae Asset Vietnam Growth Equity Fund (MAGEF)

31 tháng 07 năm 2019

31-Jul-2019

STT No	Nội dung Item	Mã số Code	Kỳ báo cáo This period	Kỳ trước Last period (*)
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period	4060	452,087,426,000	
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó: Change of NAV during the period (= II.1 + II.2), of which:	4061	(2,054,779,715)	
	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>	4062	(2,054,779,715)	
	II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>	4063	-	
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 + III.2) Change of NAV due to redemption, subscription of Fund Certificate (= III.1 + III.2)	4064	-	
	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ <i>Increase from Subscription of Fund Certificate</i>	4065	-	
	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ <i>Decrease from Redemption of Fund Certificate</i>	4066	-	
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III) NAV at the end of period (= I + II + III)	4067	450,032,646,285	
	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối kỳ NAV per unit at the end of period	4067.1	9,954.54	

(*) Ghi chú/ Notes:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 23 tháng 07 năm 2019 nên các thông tin này không có
 The Fund's operation started from 23 Jul 2019, the information is not available

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát

Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Nguyễn Ngọc Lan Anh

Giám đốc Nghiệp vụ Khối Nghiệp vụ Ngân hàng Doanh nghiệp

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Huh Hong Suk

Chủ tịch